

Giới Thiệu Thơ Cao Tần

Võ Phiến



Gần đúng hai mươi năm sau ngày chúng ta bỏ nước ra đi, tờ báo Bút Lửa số 1 tung ra hai bài thơ lạ lùng của một tên tuổi lạ hoắc: Cao Tần.

Thơ Cao Tần được tán thưởng ngay. Nó gây chấn động. Nó thành một biến cố trong sinh hoạt văn nghệ tha phương. Trong giới độc giả và giới cầm bút nổi lên một thắc mắc: “Thơ hay đấy, ‘tới’ lắm, Nhưng Cao Tần là ai vậy?”

Cao Tần hành tung bí mật như T.T.Kh, vì vậy người ta e rằng rồi cũng chỉ thoáng qua trên thi đàn trong chốc lát như T.T.Kh. Nhưng không, Từ số nọ sang số kia, Bút Lửa tiếp tục đăng thơ Cao Tần gần một năm trời. Và thơ ấy càng ngày càng “:tới”. Nó không phải là một phút ngẫu nhiên may mắn, mà dần dần chứng minh một tài năng có bản lĩnh vững vàng. Vào khoảng tháng 11-1977 nhà văn Mặc Đỗ, “riêng nhắc Cao Tần: Cảm lắm”. Sau đó, nếu nhà văn còn theo dõi, còn đọc nữa, chắc chắn sẽ còn “cảm” hơn nữa.

Vì kỹ thuật làm báo, Bút Lửa đã dành cho Cao Tần một sự xuất hiện đột ngột, cố ý gây một kinh ngạc. Thực ra sau này chúng ta lần lần nhận thấy sự ngạc nhiên của độc giả không hẳn chỉ là kết quả do kỹ thuật nghề nghiệp: Trong bản chất thơ Cao

Cái ấy trước hết là đề tài. Nhiều bài thơ của Cao Tần được kết cấu như truyện, những câu chuyện khá ly kỳ: hai người bạn tình khẩu uồng tí tí giữa sa mạc; truyện chàng cù lần có cái túi nhỏ; truyện dăm thằng khùng bàn chuyện vá trời; kẻ vượt suối trèo non về nước phất cờ khởi nghĩa như “hùm thiêng cựa móng thét rung trời” người leo lên tượng Thần Tự Do Mỹ quốc tự đốt mình làm lửa sáng để soi tìm đáy biển “những oan ôn ai bỏ giữa bao la” vv..

Cái đột ngột ấy lại ở những hình ảnh độc đáo, ý tưởng bất ngờ. Hoặc về những lá thư gởi từ Sài Gòn qua ngoại quốc, vừa phải ca ngợi cách mạng, vừa tiết lộ sự thực bi đát qua lời lẽ úp mở:

“thư quê hương như tên hê ồm nặng

hồn tang thương sau mặt nạ tươi cười”

kẻ tha hương bảo vợ thay vì viết lách quanh co, hãy gửi vài sợi tóc mẹ già, gửi viên sỏi nhỏ bên đường....

“và gửi cho anh một tờ giấy trắng

thấm nước trời quê qua mái dột đêm mưa

để anh đọc mênh mông đời lạnh vắng

em tiếc thương hoài ấm áp gói chăn xưa”

Hoặc về tấm hình nhọt nhọt trên thẻ căn cước mà mỗi chúng ta còn

mang theo:

“Ôi trong ví mỗi người dân mất nước

còn một oan hồn mặt mũi ngu ngơ”

Cái đột ngột còn ở những lời những chữ, những cách nói không thường thấy trong văn chương, càng không thường trong thi ca:

“Mày có linh thiêng qua đây tao cúng

Một châu phim X, một quả tằm hơi”

“...Cũng ngất ngư đời như con...củ khoai”

Chắc hẳn sẽ có lời cật vấn “cái đột ngột thì đáng gì đến giá trị thi ca ?”

Quả vậy. Thật khó xác nhận rằng thơ hay là thơ kỳ lạ, mặc dù xưa nay không hiếm những trường hợp thi nhân đua nhau biểu diễn các trò quái đản, tự dung điên loạn, đòi uống ánh sáng, bay lên trăng, đớp các vì sao v.v...

Đột ngột kỳ lạ, có thể không phải là một giá trị. Nhưng ai biết được chính xác đâu là những yếu tố làm nên giá trị của thơ, gây nên xúc cảm thơ ? Chẳng qua thi ca là địa hạt của tình cảm, của tưởng tượng, và nhà thơ vẫn khoái chứng tỏ một sức tưởng tượng phóng khoáng phi phạm, ai nấy ra sức vượt thoát ra khỏi khuôn sáo tầm thường. Giữa những kẻ đớp sao uống trăng v.v...Cao Tần không chọn kiểu quái dị nhất. Vậy mà Cao Tần vẫn gây được cảm tưởng đột ngột độc đáo. Có phải chính vì thế mà cái kỳ lạ này đậm ra ít sáo hơn cả ?

Tứ thơ lạ, câu thơ đẹp – trong hoàn cảnh một cuộc sống thanh bình tại quê hương, đó hẳn là những mong ước của kẻ chọn nghiệp thi ca. Những cái ấy đều có ở Cao Tần. Nhưng trong cảnh ngộ lưu lạc hiện nay, liệu còn có ai cầm bút chỉ vì những lý do nghệ thuật như thế ? Và trong số độc giả liệu mấy ai còn tìm đọc thơ vì tứ lạ lời hay ?

Chắc hẳn khi nhà văn Mặc Đỗ “cảm” Cao Tần, cái cảm ấy không vì một hình thức nghệ thuật độc đáo hay điêu luyện. Cái hấp dẫn của Cao Tần đó là một tâm sự vừa bi thống vừa phần uất, một phong thái ngang tàng tuyệt vọng. Người tị nạn nhìn vào thơ Cao Tần niềm đau đớn xót xa: niềm đau của mình; thấy nổi cay đắng, nổi cay đắng của mình, thấy chán nản mênh mông: của mình... Và trên chừng ấy nét tâm trạng của chính mình là

một khí phách hào hùng, dù là cái hào hùng của người lâm vào
mặt lộ.

Nghĩ đến cảnh sa cơ lỡ vận, người thơ cười: “ông thượng đẳng
cu li” Nói đến một phi công thấy thế, lại cười: “Đời khôn kiếp
đã quăng ông xuống đất”. Kể chuyện một người trân trọng giữ
từng chút kỷ niệm của mẹ, của vợ, của bạn bè trong cái túi nhỏ
kè kè mang theo mình, lại cười: đó là chàng cù lần ! Trong thơ
Cao Tần thường ẩn hiện nụ cười, cười như người Việt nam vẫn
cười trong tận cùng cay đắng. Đối với người ngoại quốc đang
sống chung quanh ta không biết họ thấy thế nào; riêng đối với
chúng ta tiếng cười ấy làm xao xuyến đến tận đáy tâm hồn, cách
xa quê hương muôn vạn dặm, có thơ Cao Tần lúc đau đớn ta
“được” đau đớn trong cách thể biểu hiện đặc biệt của dân tộc.
Chẳng cũng khoái sao ?

Cao Tần cười cay đắng, nói huyênh hoang ngạo mạn, lắm khi
đến tục tằn, như thế chỉ vì không muốn phơi bày chỗ thảm hại.
Sự thực phía sau tiếng cười ấy, phía sau cái ngê ngàng ấy là
một cảnh thảm hại: chỗ gặp gỡ chung của chúng ta. Gặp gỡ để
thương nhau.

Con người cười cợt ngạo nghễ có thể là người “yếu” hơn bất cứ
ai khác. Năm chàng tráng sĩ họp nhau bàn chuyện lớn suốt đêm,
quất ngã la liệt nhiều chai rượu mạnh, để rồi mờ sáng hôm sau:

Sàn gác trọ những tâm hồn bão nổi

những hào hùng uất hận gói lên nhau

kẻ thức tỉnh ngu ngơ nhìn nắng mới

“ta làm gì cho hết nửa đời sau ?”

Chàng cù lần bị giật cái túi nhỏ bí mật:

“Cù lần dọa đêm nay đâm chết hết

Ôi ví dầu chú mở được tim anh

chú cũng thấy một kho tàng thắm thiết

với khăn tay nhàu nát chữ thêu xanh...”

Cái nghề ngang bên ngoài, chỉ đẹp vì “cái kho tàng thắm thiết” bên trong.. Nếu không thế nó vô duyên biết mấy.

Kho tàng của Cao Tần chưa mở hết - thời gian xuất hiện trên thi đàn của Cao Tần còn quá ngắn với một đời văn thơ- tuy nhiên chúng ta đã bắt gặp bao nhiêu cái thắm thiết: hoặc những nhớ nhung hướng về từng chiếc ghé công viên, từng cái tháp chuông nhà thờ, từng viên gạch vỡ ở góc vườn quê xưa, vì:

“Dưới ghé công viên anh giấu thời thơ dại

trên tháp nhà thờ anh giấu niềm tin

trong vườn cũ anh giấu thời hạnh phúc

nơi nụ cười em anh giấu trái tim”

Hoặc những thắc mắc vẫn vơ: ở cái xứ sở muôn trùng xa cách, ở nơi thành phố mình đã rời bỏ đi không hẹn ngày về buổi sáng hôm nay những ai đang bước đi trên con đường quen thuộc trước nhà mình ? đêm nay ai ngồi trên ngai đồi thở mùi gió thông mà mình nhớ quắt ? và:

chú nào ngồi trước hiên nhà ta chiều nay

nghe mưa Sài Gòn rạt rào thơm mát

sau một ngày nắng lóa chín từng mây

những mái tôn mưa cười ran hạnh phúc

Trong thơ Cao Tần có cái cao ngạo của tráng sĩ lẫn cái yếu đuối vô vản của chàng Cù Lân. Và đó cũng là hai khía cạnh của mỗi một tâm hồn di tản tha hương. “cảm” nhau vì thế.

Ô, mối cảm thông thắm thiết giữa những tráng sĩ...Cù Lân.

Trường hợp thơ Cao Tần gợi lên một vấn đề: khả năng sáng tác của người di tản lưu lạc. Đầu tháng tư năm ngoái, tạp chí Newsweek có bài kiểm điểm về cái thế giới trầm lặng của di dân: từ 1972 đến nay, nhà cầm quyền Xô Viết đã cưỡng bức tổng xuất “gần trọn một thế hệ những văn nghệ sĩ xuất sắc nhất của nước Nga.” thực hiện “cuộc thanh trừng văn học lớn lao nhất kể từ thời Sataline”, và những văn nghệ sĩ nọ đã mất sức sáng tạo khi ra khỏi nước.

Thi sĩ Alekxandr Galich kêu rằng ở Paris họ mất ngôn ngữ và tất cả xung quanh đều câm nín, họ sống giữa một thế giới câm. Phong phú như Alikxandr Solzenitsyn, tiếng rằng tiếp tục viết hăng vẫn không thấy cho in được gì đáng kể sau 1974. Vladimir maximov vừa xuất bản tờ tạp chí của di dân Nga vừa bảo: “bây giờ chuyện làm người quan trọng hơn chuyện làm nhà văn”

Jerry Kosinski, nhà văn di cư Ba Lan thành công bằng các tác phẩm Anh ngữ, đã mĩa mai các đồng nghiệp Nga nọ: Thay vì viết lách, họ ngồi trong các quán cà phê Pháp mà nói tiếng Nga, bàn chuyện giải phóng cổ quốc. Thoát ra khỏi một tù ngục, họ lại tự giam mình vào một tù ngục khác, cái tù ngục của thứ ngôn ngữ và văn hoá riêng biệt của họ.

Chúng ta lo lắng: Thế giới Tây phương quanh mình đối với chúng ta càng câm lặng

hơn là đối với các nghệ sĩ Nga. Có phải do đó mà thắc mắc “Cao Tần là ai ?”

Câu hỏi ấy chứng tỏ người ta không tin cuộc sống di cư có thể là khung cảnh xuất hiện một tài năng mới...

Trong lúc chúng ta đang suy nghĩ về một sự may mắn xảy đến trong sinh hoạt văn nghệ ly hương của Việt Nam thì thi sĩ Minoru Fujita từ Los Angeles bay về Đông Kinh để đọc trước Nhật Hoàng bài đoản ca của ông trong dịp đầu năm. (Đó là một tục lệ đã có từ lâu đời: hàng năm nước Nhật chọn lấy mười bài hay nhất trong số nhiều đoản ca được viết ra khắp trong và ngoài nước. Tết đến trong một buổi lễ long trọng các tác giả được mời

vào hoàng cung tự mình ngâm thơ trước mặt vua. Minoru Fujita là thi sĩ hết sức hiếm hoi thành công ở hải ngoại. Người thi sĩ ấy lại đoạt được cái vinh dự này những hai lần: một lần vào năm 1971, lần nữa năm 1977. Fujita xa quê hương từ 1953, tức đã gần một phần tư thế kỷ. Ngày ấy ông chưa từng làm thơ. Tại sao cái năng khiếu đối với loại thơ cổ điển có một lịch sử xưa hàng nghìn năm lại bỗng dung nảy sinh rồi phát triển rực rỡ nơi người cựu thủy thủ sống trong hoàn cảnh tha hương ? Cuộc đời vẫn dành quyền thỉnh thoảng tung ra một chuyện lạ thường, khó hiểu).

Fujita khiến Cao Tần không đến nỗi kỳ quái; nhưng liệu có khiến nổi những người cầm bút lưu vong của Việt Nam trở nên lạc quan ?

Nghĩ ngợi về trường hợp Fujita, một ký giả của tờ Los Angeles Times đã tìm gặp một bài đoản ca Nhật mà ông dịch:

I no longer know

What they are saying

In my native land

But I know the flowers

Smell the same

Một người lưu lạc lâu năm, biết rằng quê hương đã trải qua nhiều biến đổi, biết mình đã xa lạc các vấn đề xã hội cũ đến nỗi không còn biết nơi cố quốc đồng bào đang suy nghĩ về những gì, đang nói năng những gì nữa. Dù sao người ấy còn thấy có điều an ủi là ở nơi đó hoa xưa vẫn tỏa mùi hương cũ: cái ấy thì muôn đời không thay đổi.

Thời gian Cao Tần xa nước chỉ bằng một phần mười thời gian của Fujita. Thế nhưng sự cách biệt giữa Việt Nam hiện nay với Cao Tần, với chúng ta, lớn lao hơn nhiều: chẳng những bộ mặt xã hội đổi khác, tâm lý con người, mà tư tưởng ngôn ngữ ở nước

ta cũng đổi khác. Thật vậy, cái tiếng nói mới do cách mạng đưa vào Sài Gòn gần đây khác trước nhiều chứ:

Quê xưa người đổi tiếng người

trước sau hoa vẫn một mùi hoa thơm

Và thế là ông Fujita cứ yên trí làm thơ, và làm thơ hay, và thơ ông được tán thưởng cả trong lẫn ngoài nước.

Cao Tần không có được hoàn cảnh ấy. Người cầm bút Việt Nam lưu vong không có được hoàn cảnh ấy, Hoa quê hương vẫn thơm một mùi, nhưng ngửi hoa bây giờ phải có lập trường, một lập trường ngửi hoa mới lạ. Bị bức tường lập trường ngăn cách hoàn toàn đường giao tiếp với quê hương. Cao Tần vừa làm thơ vừa kêu hoảng:

Tiếng Việt trong ta ngày mỗi héo

hồn Việt trong ta ngày mỗi khô

Dù đang thành công Cao Tần không lạc quan nổi, không hề lạc quan chút nào; tuy vậy thơ Cao Tần nhất thời cũng tránh cho chúng ta một cảnh trạng rất đáng bi quan. Bởi vì làm thơ trong cảnh sợ...hết tiếng hết chữ, chuyện đã đáng thương, nhưng đáng thương hơn có lẽ là khi một tập thể di dân đông đảo và buồn thảm như chúng ta mà không có được một tiếng thơ nói lên cảnh ngộ của mình.

Võ Phiến

1-1978

Nguồn:<http://www.luanhoan.net/GioiThieuTacGia/html/8-3-13%20gttg%2006.htm>

Sao lục: **Nam Phong**

Ngày 1/9/4893 – Giáp Ngọ (25/9/2014)

www.vietnamvanhien.net